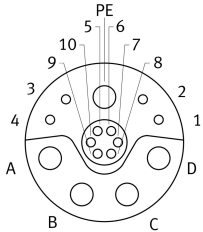


# Cáp động cơ NEBM-M40G15-EH-7.5-Q11N-R3LEG14

Số bộ phận: 5251397

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                      | Giá trị                                                                                                                 |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Dựa trên tiêu chuẩn                           | EN 61984                                                                                                                |
| Tên cáp                                       | không giá biển báo                                                                                                      |
| trọng lượng sản phẩm                          | 3.08 kg                                                                                                                 |
| Cổng nối điện 1, chức năng                    | Phía thiết bị hiện trường                                                                                               |
| Cổng nối điện 1, thiết kế                     | tròn                                                                                                                    |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối                 | Ổ cắm kết hợp                                                                                                           |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp                   | thẳng                                                                                                                   |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối            | M40x1                                                                                                                   |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây              | 15                                                                                                                      |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng       | 12                                                                                                                      |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn                     | Khóa chốt                                                                                                               |
| Cổng nối điện 2, chức năng                    | Phía điều khiển                                                                                                         |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối                 | Giắc cắm và cáp                                                                                                         |
| Cổng nối điện 2, đầu ra cáp                   | thẳng                                                                                                                   |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối            | RJ45 và đầu mở                                                                                                          |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây                   | 14                                                                                                                      |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng       | 12                                                                                                                      |
| Dải điện áp hoạt động DC                      | 0 V...850 V                                                                                                             |
| Dải điện áp hoạt động AC                      | 0 V...630 V                                                                                                             |
| Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C               | 31.9 A                                                                                                                  |
| Độ chịu điện áp xung                          | 6 KV                                                                                                                    |
| Chiều dài cáp                                 | 7.5 m                                                                                                                   |
| Đặc điểm dây dẫn                              | thích hợp cho máng xích                                                                                                 |
| Dòng điều kiện kiểm tra                       | Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu                                                                                         |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định          | 65.6 mm                                                                                                                 |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển | 123 mm                                                                                                                  |
| Đường kính cáp                                | 16.4 mm                                                                                                                 |
| Dung sai đường kính cáp                       | ± 0,3 mm                                                                                                                |
| Cấu tạo cáp                                   | 4 x 4 mm <sup>2</sup> + 1 x (2 x 1,5 mm <sup>2</sup> ) + 1 x (2 x 0,24 mm <sup>2</sup> + 2 x 2 x 0,15 mm <sup>2</sup> ) |

| Đặc tính                                                    | Giá trị                                                                             |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Đầu dây                                                     | Măng sông sắt                                                                       |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP67                                                                                |
| Lưu ý về mức độ bảo vệ                                      | Tùy thuộc vào khối kết nối                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                              | -40 °C...90 °C                                                                      |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -25 °C...80 °C                                                                      |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                         | theo chỉ thị điện áp thấp của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                        |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                       | theo các quy định UK RoHS<br>theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364-B2-L                                                                      |
| Ghi chú vật liệu                                            | Tuân thủ RoHS<br>không chứa halogen                                                 |
| mức độ ô nhiễm                                              | 3                                                                                   |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                        | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                            |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                                         | TPE-U(PUR)                                                                          |
| Màu vỏ cáp                                                  | xám                                                                                 |
| Vật liệu vỏ cách điện                                       | PP                                                                                  |